

**ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ GIÁO DỤC THEO HƯỚNG
TĂNG CƯỜNG GIAO QUYỀN TỰ CHỦ CHO CÁC NHÀ TRƯỜNG THỰC
HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC HỌC SINH**

A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC TRUNG HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

I. Định hướng chỉ đạo đổi mới giáo dục trung học

Giáo dục phổ thông nói chung, giáo dục trung học nước ta nói riêng đang thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học, nghĩa là từ chỗ chủ yếu quan tâm đến việc học sinh học được cái gì đến chỗ quan tâm học sinh vận dụng được cái gì qua việc học. Để đảm bảo được điều đó, nhất định phải thực hiện thành công việc chuyển từ phương pháp dạy học nặng về truyền thụ kiến thức sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành phẩm chất và năng lực; đồng thời phải chuyển cách đánh giá kết quả giáo dục từ nặng về kiểm tra tái hiện kiến thức sang kiểm tra, đánh giá năng lực vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề, chú trọng kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học để có thể tác động kịp thời nhằm nâng cao chất lượng của các hoạt động dạy học và giáo dục.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”*; *“Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo cần từng bước theo các tiêu chí tiên tiến được xã hội và cộng đồng giáo dục thế giới tin cậy và công nhận. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của*

nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội”; “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học”; “Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời”. Theo tinh thần đó, các yếu tố của quá trình giáo dục trong nhà trường trung học cần được tiếp cận theo hướng đổi mới.

Nghị quyết số 44/NQ-CP, ngày 09/6/2014 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế: *“Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực của người học; kết hợp đánh giá cả quá trình với đánh giá cuối kỳ học, cuối năm học theo mô hình của các nước có nền giáo dục phát triển”...*

Những quan điểm, định hướng nêu trên tạo tiền đề, cơ sở và môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đổi mới giáo dục phổ thông nói chung, đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực người học.

II. Tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực

1. Quan niệm về năng lực

Có rất nhiều cách quan niệm khác nhau về năng lực. Trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, năng lực được quan niệm là *thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.*

2. Chương trình giáo dục định hướng nội dung

Đặc điểm cơ bản của chương trình giáo dục định hướng nội dung là chú trọng việc truyền thụ hệ thống tri thức khoa học theo các môn học đã được quy định trong

chương trình dạy học, chú trọng việc trang bị cho người học hệ thống tri thức khoa học khách quan về nhiều lĩnh vực khác nhau mà ít chú trọng đến chủ thể người học cũng như đến khả năng ứng dụng tri thức đã học trong những tình huống thực tiễn. Ưu điểm của chương trình dạy học định hướng nội dung là truyền thụ cho người học tri thức khoa học có hệ thống. Tuy nhiên ngày nay chương trình dạy học định hướng nội dung không còn thích hợp, trong đó có những nguyên nhân sau:

- Ngày nay, tri thức phát triển nhanh chóng, nếu không kịp thời đổi mới thì nội dung chương trình dạy học nhanh chóng bị lạc hậu so với tri thức hiện đại. Do đó việc rèn luyện phương pháp học tập có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị cho con người có khả năng học tập suốt đời.

- Chương trình dạy học định hướng nội dung dẫn đến xu hướng việc kiểm tra, đánh giá chủ yếu dựa trên việc kiểm tra khả năng tái hiện tri thức mà không định hướng vào khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn.

- Do phương pháp dạy học ít chú ý đến khả năng ứng dụng nên sản phẩm giáo dục là những con người mang tính thụ động. Do đó chương trình giáo dục này không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động đối với người lao động về năng lực hành động, khả năng sáng tạo và tính năng động.

3. Chương trình giáo dục định hướng năng lực

Chương trình giáo dục định hướng năng lực nhằm đảm bảo chất lượng quá trình và đầu ra của việc dạy học/giáo dục, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho con người năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp. Chương trình này nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách chủ thể của quá trình nhận thức. Khác với chương trình định hướng nội dung, chương trình dạy học định hướng năng lực chú trọng quá trình tổ chức hoạt động dạy học/giáo dục và chất lượng đầu ra của quá trình dạy học. Việc quản lý chất lượng dạy học chuyển từ việc “điều khiển đầu vào” sang “điều khiển quá trình và đầu ra”, tức là kết quả học tập của học sinh. Ưu điểm của chương trình giáo dục định hướng năng lực là tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh năng lực vận dụng của học sinh. Chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực có thể coi là một tên gọi

khác hay một mô hình cụ thể hoá của chương trình định hướng kết quả đầu ra, một công cụ để thực hiện giáo dục định hướng điều khiển đầu ra.

Dưới đây là bảng so sánh một số đặc trưng cơ bản của chương trình định hướng nội dung và chương trình định hướng năng lực:

Các thành tố	Chương trình định hướng nội dung	Chương trình định hướng năng lực
Mục tiêu giáo dục	Mục tiêu dạy học được mô tả không chi tiết và không nhất thiết phải quan sát, đánh giá được.	Kết quả học tập cần đạt được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được; thể hiện được mức độ tiến bộ của học sinh một cách liên tục.
Chương trình giáo dục	Một chương trình quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành áp dụng chung cho toàn quốc.	Thực hiện một chương trình giáo dục phổ thông thống nhất nhưng mềm dẻo, linh hoạt. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình giáo dục phổ thông, quy định những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh cần đạt được sau mỗi cấp học, những lĩnh vực và nội dung giáo dục bắt buộc đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc; Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương tổ chức biên soạn bổ sung những nội dung về đặc điểm lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời dành thời lượng cho cơ sở giáo dục chủ động vận dụng để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.
Nội dung	Việc lựa chọn nội dung dựa vào	Lựa chọn những nội dung nhằm đạt

giáo dục	các khoa học chuyên môn, không gắn với các tình huống thực tiễn. Nội dung được quy định chi tiết trong chương trình.	được kết quả đầu ra đã quy định, gắn với các tình huống thực tiễn. Chương trình chỉ quy định những nội dung chính, không quy định chi tiết.
Phương pháp dạy học	Giáo viên là người truyền thụ tri thức, là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh tiếp thu thụ động những tri thức được quy định sẵn.	- Giáo viên chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ học sinh tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức. Chú trọng sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp,... - Chú trọng sử dụng các quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; các phương pháp dạy học thí nghiệm, thực hành
Hình thức dạy học	Chủ yếu dạy học lý thuyết trên lớp học.	Tổ chức hình thức học tập đa dạng; chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, trải nghiệm sáng tạo; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.
Điều kiện dạy học	Chuyên từ chủ yếu khai thác các điều kiện trong phạm vi nhà trường.	Phối hợp khai thác các điều kiện trong trường như phòng thí nghiệm, thư viện với việc khai thác các điều kiện bên ngoài nhà trường như các trường đại học, cao đẳng; các cơ sở nghiên cứu; các di tích lịch sử, di sản văn hóa địa phương và trung ương; các nguồn lực trên máy tính và mạng internet như thí nghiệm ảo, bài giảng điện tử, elearning.
Đánh giá kết quả học	Tiêu chí đánh giá được xây dựng chủ yếu dựa trên sự ghi	Tiêu chí đánh giá dựa vào năng lực đầu ra, có tính đến sự tiến bộ trong

tập của học sinh	nhớ và tái hiện nội dung đã học.	quá trình học tập, chú trọng khả năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn.
Công tác quản lý	Cơ chế bao cấp, áp đặt, chương trình giáo dục được thực hiện thống nhất toàn quốc theo quy định của cấp trên: Bộ - Sở - Trường - Tổ chuyên môn - Giáo viên, hạn chế khả năng sáng tạo của giáo viên và học sinh.	Cơ chế phân quyền, tăng cường sự chủ động, sáng tạo của cơ sở. Giáo viên, tổ chuyên môn, nhà trường chủ động phát triển chương trình nhà trường; xây dựng kế hoạch giáo dục; chủ động tổ chức thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục trên cơ sở chương trình quốc gia. - Đổi mới công tác quản lý chuyên môn, tổ chức sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học để phát triển chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên

III. Những nội dung đổi mới giáo dục trung học thời gian qua theo định hướng năng lực

1. Tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền chủ động của các địa phương, cơ sở giáo dục trong việc thực hiện chương trình, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục

Những năm trước đây, việc quản lý và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông còn rập khuôn, máy móc và áp đặt từ Bộ đến cơ sở; chưa phát huy được vai trò tự chủ của nhà trường và tính tích cực, sáng tạo của giáo viên, cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục; chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục của các vùng miền khác nhau, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, những địa phương đặc biệt khó khăn.

Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu phải đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục. Chính vì vậy, việc giao quyền tự chủ trong việc thực hiện chương trình, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phát huy vai trò sáng tạo

của nhà trường và giáo viên việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục đã và đang được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục. Cụ thể:

- Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của từng cấp học trong chương trình giáo dục phổ thông, các sở/phòng giáo dục và đào tạo tăng cường giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục trung học xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh theo khung thời gian thực học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đảm bảo thời gian kết thúc học kỳ I, kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học, tổ chuyên môn và giáo viên chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng của học sinh. Nhà trường tổ chức cho giáo viên rà soát nội dung chương trình, sách giáo khoa, điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng tinh giản¹; xây dựng các chủ đề tích hợp, liên môn²; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật.

- Kế hoạch giáo dục của mỗi trường được xây dựng từ tổ bộ môn, được sở/phòng giáo dục và đào tạo góp ý và phê duyệt để làm căn cứ tổ chức thực hiện và thanh tra, kiểm tra. Trên cơ sở kế hoạch dạy học đã được phê duyệt, tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên có thể thiết kế tiến trình dạy học cụ thể cho mỗi chủ đề mà không nhất thiết phải theo bài/tiết trong sách giáo khoa. Mỗi chủ đề có thể được thực hiện ở nhiều tiết học, mỗi tiết có thể chỉ thực hiện một hoặc một số bước trong tiến trình sư phạm của bài học. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong hoặc ngoài giờ trên lớp. Ngoài việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần chú trọng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở ngoài lớp học và ở nhà.

¹Do cấu trúc chương trình kiểu "đồng tâm" hay "xoáy ốc", một số kiến thức học sinh đã được học ở lớp dưới có thể lại được tác giả đưa vào sách giáo khoa lớp trên theo logic của vấn đề khiến học sinh phải học lại một cách chưa hợp lý, gây quá tải. Cách điều chỉnh có thể theo hai hướng: tinh giản kiến thức ở lớp trên nếu ở lớp dưới đã được học đầy đủ hoặc bổ sung thêm để đầy đủ; tinh giản kiến thức ở lớp dưới để chuyển lên học hoàn toàn ở lớp trên.

² Những nội dung kiến thức được đề cập đến ở hai hay nhiều môn học được điều chỉnh theo hai hướng: chỉ dạy kiến thức đó trong một môn học và bổ sung thêm những kiến thức liên quan đến các môn còn lại; tách những kiến thức có liên quan ra khỏi các môn học, xây dựng thành các chủ đề liên môn để tổ chức dạy học riêng.

2. Việc đổi mới hình thức và phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn

Trong những năm qua, hoạt động đổi mới hình thức và phương pháp dạy học ở cấp trung học cơ sở đã được quan tâm tổ chức và thu được những kết quả bước đầu. Tuy nhiên, do mục tiêu của chương trình giáo dục hiện hành chủ yếu là trang bị kiến thức, cùng với những hạn chế về năng lực thực hiện của giáo viên và hạn chế trong công tác quản lý của các nhà trường nên hoạt động đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông chưa mang lại hiệu quả cao. Truyền thụ tri thức một chiều vẫn là phương pháp dạy học chủ đạo của nhiều giáo viên. Số giáo viên thường xuyên chủ động, sáng tạo trong việc phối hợp các phương pháp dạy học cũng như sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh còn chưa nhiều. Dạy học vẫn nặng về truyền thụ kiến thức lí thuyết. Việc rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết các tình huống thực tiễn cho học sinh thông qua khả năng vận dụng tri thức tổng hợp chưa thực sự được quan tâm. Việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, sử dụng các phương tiện dạy học chưa được thực hiện rộng rãi và hiệu quả trong các trường phổ thông.

Nghị quyết số 29-NQ/TW yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, coi trọng dạy cách học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền đạt áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học.

Từ việc giao quyền chủ động cho cơ sở và giáo viên điều chỉnh nội dung, thời gian giáo dục nên các nhà trường có điều kiện áp dụng các hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục - dạy học tiên tiến, trong đó yêu cầu học sinh vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Những hoạt động đổi mới phương pháp và hình thức dạy học đã được triển khai trong những năm vừa qua và sẽ tiếp tục được triển khai trong những năm học sắp tới:

2.1. Từ năm học 2011 - 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai áp dụng phương pháp "Bàn tay nặn bột" và các phương pháp dạy học tích cực ở cấp tiểu

học và trung học cơ sở. Bản chất của phương pháp dạy học này là tổ chức hoạt động học dựa trên tìm tòi, nghiên cứu; học sinh chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng dựa trên các hoạt động trải nghiệm và tự duy khoa học³.

Trong thời gian tới các cơ sở giáo dục trung học cần tiếp tục triển khai tốt các nội dung sau:

- Các sở/phòng giáo dục và đào tạo, các nhà trường có biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực về thời gian chuẩn bị bài dạy, hỗ trợ kinh phí làm thiết bị dạy học và học liệu...; có hình thức động viên, khen thưởng các giáo viên tích cực áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực đạt kết quả tốt.

- Tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học; kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực, trình hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Nhà trường quản lý hoạt động dạy học của giáo viên trên cơ sở kế hoạch đã phê duyệt và chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá thường xuyên (đánh giá trên lớp) các hoạt động dạy học phù hợp với phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực nhằm góp ý, rút kinh nghiệm cho giáo viên và tập thể giáo viên.

- Các nhà trường thường xuyên chỉ đạo tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ/nhóm chuyên môn thông qua dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện các chủ đề, tiến trình dạy học và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học. Nên ghi hình các tiết dạy và các buổi thảo luận/rút kinh nghiệm để làm tư liệu chia sẻ cho đồng nghiệp giáo viên trong và ngoài trường tham khảo.

- Các nhà trường báo cáo sở/phòng giáo dục và đào tạo về kế hoạch dạy học của trường mình. Các sở/phòng giáo dục và đào tạo thanh tra, kiểm tra hành chính hoạt động dạy học có liên quan đến áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực.

³Theo Đề án phê duyệt kèm theo Quyết định số 6120/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiến trình sư phạm của phương pháp gồm 5 bước: Bước 1: Tình huống xuất phát và câu hỏi nêu vấn đề; Bước 2: Bộc lộ quan niệm ban đầu của học sinh; Bước 3: Xây dựng giả thuyết và thiết kế phương án thực nghiệm; Bước 4: Tiến hành thực nghiệm tìm tòi - nghiên cứu; Bước 5: Kết luận và hợp thức hóa kiến thức. Năm học 2011 - 2012 có 8 tỉnh, thành phố đã triển khai thí điểm ở các trường trung học cơ sở. Đến nay cả 63 tỉnh thành đã áp dụng phương pháp mới này trong dạy học và đã có những kết quả khả quan.

pháp dạy học tích cực phải tôn trọng kế hoạch dạy học của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên đã được nhà trường phê duyệt và báo cáo.

- Các nhà trường tổ chức các hội nghị, hội thảo sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường để tạo điều kiện cho giáo viên chia sẻ kinh nghiệm dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực; cập nhật thông tin, gửi tin về hoạt động của đơn vị và các tài liệu dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực về Bộ.

- Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chủ động đưa nội dung về phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; cử và tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn về phương pháp Bàn tay nặn bột và các phương pháp dạy học tích cực tại các trường phổ thông, các cơ quan quản lý giáo dục.

2.2. Từ năm học 2011 - 2012 triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông và tổ chức Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học (Cuộc thi) thu hút hàng ngàn học sinh tham gia; cử học sinh tham dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế (Intel ISEF) và các cuộc thi, hội trợ, triển lãm quốc tế về sáng tạo khoa học, kỹ thuật. Các cuộc thi này coi trọng phát huy tư tưởng mới và rèn luyện năng lực sáng tạo, phong cách làm việc khoa học của học sinh. Giáo viên phổ thông cùng các giảng viên đại học, các nhà khoa học phối hợp hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng trong hoạt động nghiên cứu khoa học, giải quyết các vấn đề của thực tiễn...

Trong thời gian tới các cơ sở giáo dục trung học cần tiếp tục triển khai tốt các nội dung sau:

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi mục đích, ý nghĩa của công tác nghiên cứu khoa học của học sinh trung học và các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Cuộc thi đến cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội.

- Trên cơ sở quy chế và các quy định, hướng dẫn về Cuộc thi hàng năm, sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục trung học lập kế hoạch, tổ chức triển khai công tác nghiên cứu khoa học của học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, đặc điểm của địa phương, đối tượng học sinh, chương

trình, nội dung dạy học của cơ sở giáo dục. Trong quá trình triển khai, các đơn vị cần quan tâm tổ chức một số hoạt động sau:

+ Tổng kết, đánh giá các hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh, khen thưởng học sinh và cán bộ hướng dẫn có thành tích trong công tác nghiên cứu khoa học của học sinh năm học hiện tại; phát động phong trào nghiên cứu khoa học và tham gia Cuộc thi năm học sau;

+ Tổ chức hội thảo, tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về các quy định, hướng dẫn về Cuộc thi, công tác tổ chức triển khai hoạt động, phương pháp nghiên cứu khoa học; tạo các điều kiện để học sinh, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học và triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

+ Khai thác hiệu quả tiềm lực của đội ngũ giáo viên hiện có, đặc biệt là giáo viên có năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, giáo viên đã hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, giáo viên đã thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; đưa nội dung hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học vào sinh hoạt của tổ/nhóm chuyên môn; giao nhiệm vụ cho giáo viên trao đổi, thảo luận về những vấn đề thời sự, những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn trong các buổi sinh hoạt lớp, chào cờ, ngoại khóa để định hướng, hình thành ý tưởng về dự án nghiên cứu của học sinh.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng; các viện và trung tâm khoa học công nghệ; sở khoa học và công nghệ; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh/thành phố; các nhà khoa học; cha mẹ học sinh trong việc hướng dẫn và đánh giá các dự án khoa học của học sinh; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị cho học sinh nghiên cứu khoa học và tham gia Cuộc thi.

- Căn cứ vào các quy định, hướng dẫn hằng năm về Cuộc thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị dự thi tổ chức cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ở địa phương phù hợp với điều kiện thực tế; chọn cử và tích cực chuẩn bị các dự án tham gia Cuộc thi. Trong quá trình tổ chức cuộc thi khoa học kỹ thuật ở địa phương, cần chú ý gắn kết với các cuộc thi dành cho học sinh trung học như: thi ý tưởng sáng tạo; thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn; thi hùng biện tiếng Anh; thi thí nghiệm thực hành; thi tin học trẻ không chuyên; thi sáng tạo kỹ thuật thanh thiếu niên và nhi đồng;...

- Hiệu trưởng phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học được tính giảm số tiết dạy trong thời gian hướng dẫn vận dụng theo quy định tại điểm c, điểm d, khoản 2, Điều 11 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 về quy định chế độ làm việc với giáo viên phổ thông để có thời gian cho việc nghiên cứu, hướng dẫn học sinh, đi thực tế, thực hành, xây dựng báo cáo, chuẩn bị và tham dự Cuộc thi;... Đối với giáo viên có đóng góp tích cực và có học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật thì có thể được xem xét nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên xét đi học tập nâng cao trình độ, được xét tặng giấy khen, bằng khen và ưu tiên khi xét tặng các danh hiệu khác.

Cán bộ giảng dạy các trường đại học, cao đẳng, viện, học viện tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học được vận dụng chế độ chính sách hiện hành đối với hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.

- Có chế độ ưu tiên, khuyến khích phù hợp cho những học sinh đạt giải ở cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp cơ sở.

2.3. Từ năm học 2012 - 2013 triển khai thí điểm giáo dục thông qua di sản nhằm đổi mới hình thức tổ chức dạy học, tăng cường hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh và phát huy giá trị của các di sản vật thể, di sản phi vật thể của quốc gia và từng địa phương. Hình thức hoạt động giáo dục này được sự phối hợp tích cực và đánh giá cao của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và UNESCO tại Việt Nam. Từ năm học 2013-2014, việc giáo dục thông qua di sản đã được triển khai rộng rãi trên cả nước, thường gắn với các bộ môn: Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật và một số hoạt động giáo dục.

Trong thời gian tới các cơ sở giáo dục trung học cần tiếp tục triển khai tốt các nội dung sau:

- Lồng ghép nội dung dạy học di sản văn hóa vào các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có chủ đề liên quan đến di sản có tính chất điển hình và hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, khai thác các nội dung khác của di sản văn hóa thông qua tư liệu, hiện vật. Tổ chức chăm sóc di tích, các hoạt động giáo dục tại di tích.

- Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp: Dạy học trên lớp hoặc tổ chức các hoạt động ngoại khóa tại nhà trường; Dạy học tại nơi có di sản văn hóa; Tổ chức tham

quan - trải nghiệm di sản văn hóa; Dạy học thông qua các phương tiện truyền thông, đa phương tiện;...

- Lựa chọn những phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong việc tìm hiểu, khai thác các giá trị của di sản văn hóa.

- Phổ biến, hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn.

2.4. Đã và đang triển khai thí điểm mô hình dạy học gắn với sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường tại địa phương như: dạy học gắn với sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè, mía đường tại Tuyên Quang; dạy học gắn với sinh thái ở Lào Cai; dạy học gắn với làng nghề truyền thống, dạy học gắn với Bảo tàng Tài nguyên rừng ở Hà Nội; dạy học gắn với du lịch tại Cần Thơ,... đã đem lại những kết quả tích cực, có tác dụng gắn kết nhà trường, gia đình và doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục, đồng thời góp phần phân luồng học sinh sau trung học...

Trong thời gian tới các cơ sở giáo dục trung học cần tiếp tục triển khai tốt các nội dung sau:

- Căn cứ vào Công văn 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018, tiếp tục rà soát chương trình và sách giáo khoa hiện hành để tinh giản những nội dung mang tính hàn lâm, thiếu tính thực tế hoặc chưa thực sự cần thiết đối với học sinh; sắp xếp lại nội dung giữa các cấp, lớp để tránh trùng lặp, gây quá tải; bổ sung thêm những nội dung mới cập nhật với tình hình thực tiễn; tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các tình huống thực tiễn lao động sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

- Triển khai mô hình trường học gắn với sản xuất, kinh doanh tại địa phương; gắn kết nhà trường, gia đình và doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục, đồng thời góp phần phân luồng học sinh sau trung học cơ sở.

- Triển khai một số nội dung giáo dục mới: tìm hiểu về kinh doanh; đổi mới chương trình giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông theo hướng thiết thực và gắn với ngành nghề tại địa phương.

2.5. Tăng cường chỉ đạo việc hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua "Dạy học dựa trên dự án", tổ chức các "Hoạt động trải nghiệm sáng tạo"; tổ chức câu lạc bộ âm nhạc, mỹ thuật, thể thao... có tác dụng huy động các bậc cha mẹ, các lực lượng xã hội tham gia giáo dục học sinh toàn diện...

2.6. Tăng cường tổ chức giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học phổ thông

Những năm vừa qua, giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học phổ thông đã được quan tâm và đã đạt được những kết quả ban đầu. Hệ thống cơ sở giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp, dạy nghề đã được quan tâm đầu tư phát triển, thể hiện ở những thành quả đã đạt được về quy hoạch mạng lưới và xây dựng các trung tâm, từng bước phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, đầu tư kinh phí cho xây dựng và mua sắm trang thiết bị phục vụ giáo dục hướng nghiệp.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, kết quả giáo dục hướng nghiệp còn hạn chế. Nguyên nhân chủ quan là nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học chưa được quán triệt đầy đủ; mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục hướng nghiệp chưa đổi mới kịp thời theo yêu cầu đổi mới kinh tế - xã hội nói chung và đổi mới giáo dục - đào tạo nói riêng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp còn thiếu về số lượng, chưa đáp ứng về chất lượng. Nguyên nhân khách quan là hệ thống giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động chưa phát triển lành mạnh; cơ chế, chính sách về thực hiện giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học còn bất cập, chậm đổi mới; nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau trung học của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, cộng đồng xã hội và gia đình học sinh chưa được chú ý.

Để tổ chức tốt giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học, cần phải giải quyết tốt nhiều vấn đề, thực hiện nhiều giải pháp. Trước mắt, các trường trung học cần phải thực tốt một số giải pháp sau đây:

a) Đổi mới cách tiếp cận các thành tố của giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học theo tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Nâng cao nhận thức và hành động của các cấp quản lí giáo dục và vai trò tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Phát triển những nhân tố mới, mô hình mới; tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới về giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học.

b) Đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp phù hợp với đặc điểm của học sinh phổ thông và điều kiện nhà trường trong tình hình mới

Đổi mới nội dung giáo dục hướng nghiệp theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng ngành nghề; tăng hoạt động thực hành, trải nghiệm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục hướng nghiệp theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh phổ thông; khắc phục lối giáo dục máy móc, đơn điệu, sáo mòn. Tập trung giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm, tự trải nghiệm sáng tạo để học sinh tự nhận thức và tự trang bị tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực; tự khám phá thế giới nghề nghiệp; tự hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu về năng lực và phẩm chất của người lao động ở lĩnh vực học sinh sẽ lựa chọn. Đa dạng hóa các phương pháp và hình thức giáo dục hướng nghiệp; chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

c) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên hướng nghiệp

- Xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lí trường phổ thông có năng lực làm công tác giáo dục hướng nghiệp.

- Phát triển đội ngũ giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm về giáo dục hướng nghiệp để thực hiện công tác định hướng, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh.

- Thu hút một đội ngũ cộng tác viên tư vấn nghề nghiệp với những thành phần phù hợp tham gia vào các hoạt động giáo dục hướng nghiệp của các trường phổ thông, trong đó quan tâm đến những thành viên đến từ các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ quan quản lí hành chính,... đóng trên địa bàn.

d) Tăng cường xã hội hóa hoạt động giáo dục hướng nghiệp

Xã hội hóa hoạt động giáo dục hướng nghiệp không chỉ đơn thuần là huy động nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính, mà còn góp phần nâng cao nhận thức cho các lực lượng xã hội về tầm quan trọng và trách nhiệm tham gia vào công tác này; hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động chưa phát triển lành mạnh; về yêu cầu xây dựng một xã hội học tập theo quan điểm phát triển giáo dục tiên tiến trên thế giới.

3. Việc đổi mới kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh

Hoạt động kiểm tra đánh giá chưa bảo đảm yêu cầu khách quan, chính xác, công bằng; việc kiểm tra chủ yếu chú ý đến yêu cầu tái hiện kiến thức và đánh giá qua điểm số đã dẫn đến tình trạng giáo viên và học sinh duy trì dạy học theo lối "đọc-chép" thuần túy, học sinh học tập thiên về ghi nhớ máy móc, ít quan tâm vận dụng kiến thức. Nhiều giáo viên chưa vận dụng đúng quy trình biên soạn đề kiểm tra nên các bài kiểm tra còn nặng tính chủ quan của người dạy. Hoạt động kiểm tra đánh giá ngay trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học trên lớp chưa được quan tâm thực hiện một cách khoa học và hiệu quả. Các hoạt động đánh giá định kỳ, đánh giá diện rộng quốc gia, đánh giá quốc tế được tổ chức chưa thật sự đồng bộ hiệu quả.

Thực trạng trên đây dẫn đến hệ quả là không rèn luyện được tính trung thực trong thi, kiểm tra; nhiều học sinh phổ thông còn thụ động trong việc học tập; khả năng sáng tạo và năng lực vận dụng tri thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn cuộc sống còn hạn chế; chưa đáp ứng đầy đủ mục tiêu đặt ra của Luật Giáo dục là "Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo". Thực trạng kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục về cơ bản chưa đạt được các yêu cầu của Nghị quyết 29-NQ/TW.

Nhận thức được thực trạng đó, việc kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục đang và sẽ được đổi mới theo hướng:

- Chuyển từ chú trọng kiểm tra kết quả ghi nhớ kiến thức cuối kỳ, cuối năm sang coi trọng kết hợp kết quả đánh giá phong cách học và năng lực vận dụng kiến thức trong quá trình giáo dục và tổng kết cuối kỳ, cuối năm học để hướng tới phát triển năng lực của học sinh; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá không

chỉ là việc xem học sinh học được cái gì mà quan trọng hơn là biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không. Từ năm học 2014 - 2015, việc đánh giá học sinh trung học cơ sở ở các trường thực nghiệm mô hình trường học mới coi trọng nhận xét, hướng dẫn học sinh học, việc chấm điểm chỉ còn áp dụng trong bài kiểm tra cuối kỳ, cuối năm học.

- Xây dựng đề kiểm tra theo ma trận; chỉ đạo việc ra các câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn đúng thay vì chỉ có các câu hỏi một lựa chọn đúng như trước đây; triển khai phần kiểm tra tự luận trong các bài kiểm tra viết môn ngoại ngữ. Tiếp tục nâng cao chất lượng việc thi cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đối với môn ngoại ngữ; thi thực hành đối với các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12. Tiếp tục triển khai đánh giá các chỉ số trí tuệ (IQ, AQ, EQ...) trong tuyển sinh trường trung học phổ thông chuyên, trường chất lượng cao ở những nơi có đủ điều kiện.

- Tăng cường ra câu hỏi, bài tập kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực để bổ sung cho thư viện câu hỏi của trường. Tăng cường xây dựng "Nguồn học liệu mở" (câu hỏi, bài tập, đề thi, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo có chất lượng); chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng <http://truonghocketnoi.edu.vn>, tập trung vào nội dung sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn về đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Đã tổ chức một số đợt đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông trên phạm vi toàn quốc thông qua hoạt động của một số dự án, chương trình. Tham dự kỳ đánh giá quốc tế PISA trên diện rộng nhằm xác định mặt bằng chất lượng, đề xuất chính sách nâng cao chất lượng giáo dục của các địa phương và cả nước; kết quả cho thấy học sinh Việt Nam không thua kém học sinh thế giới về khả năng đọc hiểu, toán học và khoa học, qua các kỳ đánh giá này cũng đã có thêm bằng chứng về việc học sinh Việt Nam yếu về năng lực giải quyết vấn đề, năng lực vận dụng kiến thức.

4. Việc thực hiện Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân

Từ năm học 2011 -2012 triển khai thực hiện Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; chuyển định hướng chương trình từ dạy học ngôn ngữ sang dạy học bảo đảm toàn diện năng lực giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết), xây dựng các chuẩn đầu ra của từng cấp học tương ứng khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ của châu Âu. Đến nay, chương trình các môn ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông đã được thực

nghiệm ở 63/63 tỉnh, thành phố cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 12, đạt kết quả tốt. Hiện nay đang tập trung vào công tác bồi dưỡng giáo viên (cả về năng lực ngoại ngữ và phương pháp dạy học); đổi mới hình thức và nội dung thi, kiểm tra; đẩy mạnh xã hội hoá việc dạy và học ngoại ngữ.

Trong thời gian tới các cơ sở giáo dục trung học cần tiếp tục triển khai tốt các nội dung sau:

- Đối với những địa phương, cơ sở giáo dục đã dạy học theo chương trình thí điểm ở cấp học, lớp học dưới, phải huy động các điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất để có thể thu nhận hết số học sinh đã hoàn thành chương trình thí điểm lớp dưới vào học tiếp chương trình thí điểm ở lớp trên.

- Đối với các trường, các lớp chưa đủ điều kiện thực hiện chương trình thí điểm cần tích cực chuẩn bị điều kiện để có thể sớm chuyển sang dạy theo chương trình mới.

- Triển khai thí điểm dạy học song ngữ tiếng Anh đối với môn Toán và các môn khoa học tự nhiên tại các trường trung học phổ thông chuyên và các trường khác có đủ điều kiện.

- Động viên, tạo điều kiện cho giáo viên ngoại ngữ đi học, tự học (nhờ công nghệ thông tin-truyền thông) để chuẩn hóa năng lực ngoại ngữ và phương pháp dạy học ngoại ngữ.

- Thực hiện xã hội hóa, tạo nhiều cơ hội, môi trường cho học sinh, giáo viên học và sử dụng ngoại ngữ.

- Quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng thiết bị dạy học ngoại ngữ, đảm bảo tận dụng thiết bị đã có, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

- Triển khai đổi mới đánh giá năng lực ngoại ngữ của học sinh theo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết,...

5. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên

Thời gian qua, việc sinh hoạt chuyên môn trong nhà trường còn nặng về đánh giá, xếp loại giờ dạy theo các tiêu chí, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo. Khi dự giờ, người dự giờ tập trung quan sát các hoạt động dạy của giáo viên để phân tích góp ý, đánh giá, rút kinh nghiệm về nội dung kiến thức, phương pháp dạy học, cách sử dụng đồ dùng dạy học, phân bố thời gian,... Bài dạy minh họa được phân công cho một giáo viên thiết kế, chuẩn bị và

dạy minh họa theo nội dung các chuyên đề được xác định trong kế hoạch năm học hoặc theo nhu cầu của giáo viên; được chuẩn bị, thiết kế theo mẫu quy định. Nội dung thiết kế thường chuyển tải hết nội dung theo quy định của sách giáo khoa và sách giáo viên mà không dựa vào đặc điểm của học sinh. Khi dạy minh họa, giáo viên thường tập trung vào một số học sinh khá, ít quan tâm đến học sinh yếu kém vì sợ làm mất thời gian, “cháy giáo án”. Giáo viên dạy minh họa cố gắng thực hiện đúng thời gian đã dự định cho mỗi hoạt động. Giờ dạy minh họa thường mang tính trình diễn, vì giáo viên dạy minh họa sợ bị đánh giá là đã không truyền tải hết kiến thức, kỹ năng, không thực hiện đúng trình tự các bước dạy; các phương án dạy học, các hoạt động tổ chức dạy học chưa được xuất phát từ việc học của học sinh. Vì quan niệm trên nên nhiều giáo viên thường dạy trước bài học, huấn luyện trước cho học sinh, gợi ý câu trả lời cho một số học sinh khá. Người dự giờ thường ngồi ở cuối lớp học, quan sát, ghi chép từng lời nói, việc làm của giáo viên, tiến trình của giờ học, nội dung bài học, phương pháp dạy học xem có đúng với giáo án đã thiết kế không, theo dõi thời gian của từng hoạt động có khớp không. Người dự chủ yếu “giám sát” theo dõi giáo viên dạy mà ít chú ý đến học sinh học như thế nào, có hiểu bài không, những nội dung nào chưa phù hợp, cần thay đổi hoặc rút ngắn, học sinh nào cần sự giúp đỡ của giáo viên nhiều hơn. Các ý kiến nhận xét sau giờ học nhằm đánh giá giáo viên, xếp loại giờ học. Dựa trên các tiêu chí, quy trình đã có sẵn, người dự đối chiếu với các hoạt động dạy của giáo viên và nhận xét về: Cách kiểm tra bài cũ, cách vào bài như thế nào? Cách trình bày bảng ra sao? Cách diễn đạt của giáo viên, nội dung bài học được chuyển tải có đầy đủ và chính xác không? Phương pháp sư phạm như thế nào? giáo viên dạy có theo trình tự, có đủ các bước không? Phân phối thời gian ra sao?... Những ý kiến thảo luận, góp ý thường không đưa ra được giải pháp để cải thiện giờ dạy mà tập trung mổ xẻ các thiếu sót. Các ý kiến nhận xét thường mang tính chủ quan, áp đặt dựa trên kinh nghiệm của mỗi cá nhân. Không khí trong các buổi sinh hoạt chuyên môn thường căng thẳng, nặng nề sau những nhận xét phê bình, chỉ trích làm cho mối quan hệ giữa các giáo viên thiếu thân thiện, cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Vì thế, hầu hết các giáo viên thường ngại dạy minh họa.

Đề đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang chỉ đạo các địa phương thực hiện những giải pháp sau:

- Triển khai diễn đàn trên mạng để chỉ đạo và hỗ trợ hoạt động đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường phổ thông; tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học⁴; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, cụm trường, phòng/sở giáo dục và đào tạo (trực tiếp và qua mạng); chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học trong các cơ sở giáo dục trung học,...

- Nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả của hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách Đội giỏi theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức tốt và động viên giáo viên tham gia Cuộc thi dạy học theo chủ đề tích hợp dành cho giáo viên trung học,...

- Tiếp tục bồi dưỡng giáo viên về năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ phụ trách công tác Đoàn, Đội, giáo viên tư vấn trường học,...

6. Tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục trung học

- Các sở giáo dục và đào tạo cần tổ chức tốt việc tập huấn tại địa phương về nội dung: Dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; Dạy học toán và các môn khoa học bằng tiếng Anh; Tìm hiểu về kinh doanh; Tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp; Giáo dục nhà trường gắn với sản xuất, kinh doanh; Hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, kỹ thuật,... đã được tiếp thu trong các đợt tập huấn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁴Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học là hoạt động giáo viên cùng nhau học tập từ thực tế việc học của học sinh. Ở đó, giáo viên cùng nhau thiết kế kế hoạch bài học, cùng dự giờ, quan sát, suy ngẫm và chia sẻ (tập trung chủ yếu vào việc học của học sinh) bài học. Đồng thời đưa ra những nhận xét về sự tác động của lời giảng, các câu hỏi, các nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra,... có ảnh hưởng đến việc học của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên được chia sẻ, học tập lẫn nhau, rút kinh nghiệm và điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học vào bài học hằng ngày một cách hiệu quả. Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học không nhằm đánh giá, xếp loại giờ dạy mà giáo viên được khuyến khích học tập lẫn nhau, cùng nhau tìm nguyên nhân tại sao học sinh học hay không học, đồng thời đề xuất các biện pháp để giúp tất cả học sinh học tập thực sự, qua quá trình đó giáo viên sẽ có khả năng tự điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học một cách linh hoạt, phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình.

- Chỉ đạo việc phối hợp giữa các trường trung học với các trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường đại học, cao đẳng sư phạm tổ chức bồi dưỡng thường xuyên đối với giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường các hình thức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy học và quản lý qua mạng internet.

- Tiếp tục rà soát đánh giá năng lực giáo viên ngoại ngữ (môn Tiếng Anh), tổ chức bồi dưỡng theo chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đáp ứng việc triển khai Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” tại địa phương, cơ sở giáo dục. Những giáo viên chưa đạt chuẩn năng lực tiếng Anh hoặc chưa được bồi dưỡng về phương pháp dạy tiếng Anh thì được bố trí đi học để đạt chuẩn/yêu cầu trước khi phân công dạy học. Việc bồi dưỡng giáo viên phải gắn với việc bố trí, sử dụng có hiệu quả.

8. Đổi mới công tác quản lý các trường trung học

Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục trung học, các cơ sở giáo dục cần nâng cao năng lực quản trị nhà trường, trong đó tập trung vào một số nội dung:

a) Tăng cường đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục; củng cố kỷ cương, nề nếp trong dạy học, kiểm tra đánh giá, thi; bảo đảm khách quan, chính xác, công bằng.

b) Chú trọng quản lý, phối hợp hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; tăng cường quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm; quản lý các khoản tài trợ theo Thông tư số 29/2012/TT- BGDĐT ngày 10/9/2012 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

c) Tiếp tục chấn chỉnh việc lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo yêu cầu tại Công văn số 68/BGDĐT -GDTrH ngày 07/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường sử dụng phần mềm máy tính trong việc quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sắp xếp thời khoá biểu, quản lý thư viện trường học,...; thực hiện tốt việc quản lý và sử dụng xuất bản phẩm

tham khảo trong giáo dục phổ thông theo Thông tư số 21/2014/TT- BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Tích cực áp dụng hình thức tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, họp, trao đổi công tác qua mạng Internet, video, website, đặc biệt trong công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, thanh tra viên, cán bộ quản lý giáo dục.

đ) Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong các nhà trường về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Cụ thể như sau:

- Rà soát để tinh giản chương trình giáo dục hiện hành, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng mục tiêu của chương trình giáo dục quốc gia và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, nhà trường và năng lực của học sinh.

- Từng bước xây dựng và tổ chức hoạt động học theo các chuyên đề thay cho việc dạy học đang được thực hiện theo từng bài/tiết trong sách giáo khoa như hiện nay. Các tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở rà soát chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ theo chương trình hiện hành và các hoạt động học dự kiến sẽ tổ chức cho học sinh theo phương pháp dạy học tích cực, xác định các năng lực và phẩm chất có thể hình thành cho học sinh trong mỗi chuyên đề đã xây dựng. Tiến trình dạy học chuyên đề được tổ chức thành các hoạt động học của học sinh để có thể thực hiện ở trên lớp và ở nhà, mỗi tiết học trên lớp có thể chỉ thực hiện một số hoạt động trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kĩ thuật dạy học được sử dụng.

- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ và phân tích, rút kinh nghiệm bài học. Trên cơ sở các chuyên đề dạy học đã được xây dựng, tổ/nhóm chuyên môn phân công giáo viên thực hiện bài học để dự giờ, phân tích và rút kinh nghiệm về giờ dạy. Khi dự giờ, cần tập trung quan sát *hoạt động học của học sinh* thông qua việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ học tập theo các tiêu chí nêu tại Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi chuyên đề được thực hiện ở nhiều tiết học nên một nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong và ngoài lớp học. Vì thế, trong một tiết học có thể chỉ thực hiện một số

bước trong tiến trình sư phạm của phương pháp và kỹ thuật dạy học được sử dụng. Khi dự một giờ dạy, giáo viên cần phải đặt nó trong toàn bộ tiến trình dạy học của chuyên đề đã thiết kế. Cần tổ chức ghi hình các giờ dạy để sử dụng khi phân tích bài học.

- Triển khai có hiệu quả việc tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trên mạng giáo dục "Trường học kết nối" của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ website: <http://truonghocketnoi.edu.vn>, tạo môi trường chia sẻ, thảo luận, hỗ trợ lẫn nhau giữa các trường phổ thông trên phạm vi toàn quốc; tổ chức các hoạt động học tập và hỗ trợ hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh trên mạng.

B. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC

I. Mô hình trường phổ thông hiệu quả

1. Về khái niệm “hiệu quả”

Theo Từ điển tiếng Việt, *hiệu quả là sự phù hợp giữa kết quả thực của một hoạt động so với kết quả dự kiến từ trước.*

Hiệu quả giáo dục là sự phù hợp giữa kết quả giáo dục thực tiễn so với các mục tiêu giáo dục. Các kết quả giáo dục thực tiễn thường có mối tương quan chặt chẽ với sự đầu tư cho điều kiện thực hiện (đào tạo và bồi dưỡng nhân lực, tập trung tài lực, nâng cao vật lực,...) và sự tác động của các hoạt động giáo dục (hình thức tổ chức dạy học, hoạt động dạy và hoạt động học, đổi mới phương pháp dạy và phương pháp học, đổi mới đánh giá kết quả giáo dục,...). Do đó khi nói đến hiệu quả giáo dục, người ta thường so sánh kết quả đầu ra thực tiễn với kết quả đầu ra dự kiến (mục tiêu giáo dục) trong mối tương quan với sự đầu tư nguồn lực và sự tác động của các hoạt động giáo dục. Hiệu quả giáo dục sau khi kết thúc một khóa học, lớp học, cấp học được gọi là hiệu quả trong; còn các lợi ích, các giá trị vật chất và tinh thần tạo ra cho xã hội khi ứng dụng các sản phẩm giáo dục được gọi là hiệu quả ngoài. Hiệu quả giáo dục trong mô hình nhà trường sẽ đề cập dưới đây là hiệu quả trong.

Hiệu quả kinh tế là chênh lệch giữa tổng chi phí đầu vào với tổng giá trị thu được của đầu ra theo công thức “ $HQKT = \text{tổng chi phí} - \text{tổng giá trị thu được}$ ”. Còn hiệu suất kinh tế là mức độ đạt được đầu ra với mức chi phí thấp nhất, hay hiệu suất chính là hiệu quả với chi phí thấp nhất.

Hiệu quả xã hội thể hiện mức độ đóng góp vào quá trình giải quyết các vấn đề xã hội (con người, cộng đồng, giáo dục, nâng cao chất lượng và mức sống người

dân,...) trong từng thời kỳ phát triển xã hội cụ thể. Hiệu quả xã hội có thể đánh giá qua so sánh chi phí đầu tư cho việc nghiên cứu với tác động của kết quả nghiên cứu trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, thu được các lợi ích xã hội.

Hiệu quả hoạt động của một tổ chức xã hội được coi là mức độ đạt mục tiêu của tổ chức đó trong mối tương quan với chuẩn quốc gia/quốc tế, hoặc với các tổ chức khác ngang bằng về đầu vào.

2. Các đặc trưng của mô hình nhà trường hiệu quả

Nhà trường là tổ chức giáo dục có tư cách pháp nhân, đặt dưới quyền quản lý của một hiệu trưởng, nhằm đảm bảo các hoạt động giáo dục cho học sinh.

Trong nền kinh tế thị trường (cuối thế kỷ XX), thế giới đã xuất hiện nhiều mô hình trường phổ thông mới như nhà trường xuất sắc (*Excellent school*), nhà trường thành đạt (*Successesfut School*), nhà trường tốt (*Good school*), nhà trường hoàn thiện (*Improvement School*), nhà trường hiệu quả (*Effective School*), nhà trường chất lượng (*Quality School*),... Đây là những mô hình nhà trường có chất lượng cao, tiếp cận lý thuyết "quản lý bảo đảm chất lượng" hoặc "quản lý chất lượng tổng thể".

Nhà trường hiệu quả là nhà trường mà ở đó, tất cả HS đều được chú trọng giáo dục nhằm cải thiện và nâng cao kết quả học tập so với kết quả học tập dự kiến.

Các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra 7 yếu tố có tương quan chặt chẽ đến tính hiệu quả của nhà trường là:

(i) *Sứ mệnh của nhà trường rõ ràng* – Các trường hiệu quả có sứ mạng rõ ràng, cụ thể, từ đó mọi GV đều chia sẻ hiểu biết, cam kết thực hiện các mục tiêu, sự ưu tiên, các hoạt động đánh giá một cách có trách nhiệm. Nhà trường xây dựng được các điều khoản hiệu quả để thực hiện sứ mệnh đó, tạo ra được môi trường làm việc mà trong đó GV hoạt động với tư cách chuyên gia – họ xem xét và có cơ hội phát triển nghề nghiệp của mình, cả trong và ngoài trường học, giúp HS học tập theo mục đích của chương trình nhà trường.

(ii) *Kỳ vọng cao cho sự thành công* - Trong trường hiệu quả luôn bao trùm không khí của sự kỳ vọng, GV luôn tin tưởng và chứng minh rằng tất cả HS đều có thể đạt được những kiến thức, kỹ năng cơ bản của chương trình giáo dục và họ có khả năng giúp HS làm được điều đó. Các phong trào thi đua đều nhấn mạnh đến việc phấn đấu để nhà

trường trở thành "nơi mà mỗi GV được công nhận là có đóng góp tìm hiểu, phát triển và cải thiện tiềm năng độc đáo của mỗi HS".

Trong trường hiệu quả, hiệu trưởng là người đứng đầu hướng dẫn hoạt động dạy học một cách có hiệu quả và liên tục giao các nhiệm vụ cho nhân viên, phụ huynh và HS. Hiệu trưởng hiểu và áp dụng được các đặc điểm của giảng dạy hiệu quả trong việc quản lý chương trình giáo dục, khớp nối sứ mệnh của trường với những thay đổi, cải tiến trong hệ thống để đạt được các mục tiêu phát triển. Hiệu trưởng không phải là lãnh đạo duy nhất, mà là "một nhà lãnh đạo của lãnh đạo" – phải trao quyền cho GV trong các quyết định về giảng dạy theo hướng đạt mục tiêu của nhà trường.

(iv) Tạo cơ hội và thời gian cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập Trong trường hiệu quả, mỗi GV đều hiểu biết những gì sẽ giảng dạy và có đủ thời gian giảng dạy là rất cần thiết để tạo nên hiệu quả của nhà trường. GV phải cân bằng giữa nhu cầu về nội dung của chương trình ngày càng tăng với thời gian giảng dạy bị hạn chế. Cung cấp một thời lượng đáng kể để hướng dẫn các hoạt động ngoại khóa, trong đó dành một tỷ lệ phần trăm nhất định để HS tích cực tham gia hoạt động ở các nhóm với sự điều khiển của GV.

(v) Tạo một môi trường giáo dục an toàn và trật tự Trong trường hiệu quả, thiết lập trật tự các mục tiêu để không những loại bỏ các hành vi không mong muốn, mà còn phải giảng dạy những hành vi cần thiết để có môi trường giáo dục an toàn như "nhóm học tập hợp tác", "tôn trọng sự đa dạng mỗi người", "dân chủ", "công bằng",...

Tích cực giữa nhà trường và gia đình Trong trường hiệu quả, các bậc cha mẹ hiểu và hỗ trợ các nhiệm vụ cơ bản của trường học, có cơ hội thể hiện vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ nhà trường đạt được sứ mệnh của mình. Nhà trường cần coi cha mẹ là đối tác quan trọng để hỗ trợ giáo dục HS và là một thành viên của gia đình học – cần phát triển chương trình dành cho phụ huynh vào các buổi tối cuối tuần.

(vii) Giám sát thường xuyên quá trình học tập của HS Trong trường hiệu quả, sự tiến bộ của HS được đo lường và được đánh giá thường xuyên, kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện hành vi và thành tích cá nhân HS, cũng như để cải thiện chương trình. Từ nghiên cứu trên, có thể khái quát hóa thành 7 nét đặc trưng của mô hình nhà trường hiệu quả ở bảng sau.

Đặc trưng của trường hiệu quả

(1) Sứ mệnh của nhà trường	Có sứ mệnh rõ ràng, cụ thể, từ đó mọi GV đều cam kết thực hiện một cách có trách nhiệm
(2) Mục tiêu giáo dục	Cải thiện, nâng cao kết quả giáo dục của mọi HS
(3) Đặt kì vọng cao cho việc hoàn thành sứ mệnh và mục đích phát triển của nhà trường	- GV cam kết việc hoàn thành các hoạt động để nâng cao kết quả học tập của HS theo mục tiêu chương trình giáo dục. Họ tin tưởng rằng có khả năng giúp HS đạt mục tiêu thông qua việc chia sẻ sự hiểu biết, thực hiện hoạt động giáo dục có trách nhiệm.
	- Hiệu trưởng cam kết tập trung nâng cao chất lượng các hoạt động giảng dạy: + Quản lý hành chính có hiệu quả: phân công nhiệm vụ một cách khoa học, hợp lý và liên tục cho GV, nhân viên, HS và cha mẹ HS. + Hiểu và biết cách quản lý, chỉ đạo việc thực hiện chương trình giáo dục. Khớp nối sứ mệnh của trường với những thay đổi, cải tiến trong hệ thống để đạt được mục tiêu phát triển. + Chia sẻ việc ra quyết định, trách nhiệm và thành công cho GV trong giảng dạy theo hướng đạt mục tiêu của nhà trường. Tạo được môi trường làm việc chuyên nghiệp, ở đó GV có thể phát triển thế mạnh cá nhân trong quá trình phát triển mục tiêu tổng thể của nhà trường.
	- Phấn đấu để nhà trường trở thành nơi mà mỗi GV được đóng góp sức lực để phát triển và cải thiện tiềm năng học tập của mỗi HS. Phấn đấu tạo môi trường giáo dục an toàn cho HS với các tiên chỉ như "nhóm học tập hợp tác", "tôn trọng sự đa dạng mỗi người", "dân chủ", "công bằng",...
(4) Về chương trình giáo dục	- Có chương trình giáo dục tích hợp mạnh các yếu tố đảm bảo cho hiệu quả của giáo dục. - Đảm bảo thực hiện nghiêm túc chương trình, sử dụng các phương pháp giáo dục thích hợp với các loại đối tượng HS
(5) Cơ chế hoạt động	- Mỗi GV đều hiểu biết những gì sẽ giảng dạy và có đủ thời gian

của nhà trường	<p>dạy. Phải tạo cơ hội và thời gian cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập, cung cấp thời lượng đáng kể để HS tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động nhóm,...</p> <p>- Phát huy dân chủ, bảo đảm sự công bằng, công khai. Ở đó, mọi người cùng biết, cùng bàn, cùng làm, cùng kiểm tra trên cơ sở hiểu rõ các nhiệm vụ cơ bản, các mối quan hệ hành chính, pháp luật, trách nhiệm, tình cảm, đạo đức, lợi ích, đồng thuận,... cùng hoàn thành mục tiêu.</p> <p>- Có hệ thống tiêu chí đánh giá toàn diện để giám sát thường xuyên quá trình dạy và học; thu thập bằng chứng về kết quả học tập của HS và sử dụng bằng chứng đó để cải thiện hành vi và thành tích cá nhân HS, cũng như cải thiện của GV.</p>
(6) Tạo điều kiện để nhiều đối tượng cùng tham gia các hoạt động giáo dục	<p>Cha mẹ HS hiểu sứ mệnh và các nhiệm vụ cơ bản của nhà trường. Coi họ là đối tác quan trọng để hỗ trợ giáo dục HS - Cần phát triển chương trình dành cho phụ huynh.</p> <p>- Đẩy mạnh giao tiếp, truyền thông, quan hệ tương tác, hợp tác với đồng nghiệp, với các cơ sở giáo dục lân cận, với cộng đồng địa phương.</p>
(7) Nguồn lực	<p>Có đủ nguồn lực và các dịch vụ cần thiết đảm bảo cho hoạt động giáo dục, bảo đảm cho việc thực hiện chính sách dẫn đến sự thành đạt của mọi HS</p>

3. Về các tiêu chí của mô hình trường hiệu quả

Tổ chức UNESCO đã nêu ra bốn nhóm thành tố tạo thành hiệu quả của một nhà trường (viết tắt là CIPO): Hoàn cảnh (*Context*), Đầu vào (*Input*), Quản lý quá trình (*management by Process*) và Kết quả đầu ra (*Outcome*).

i) Hoàn cảnh nhà trường gồm:

Hoàn cảnh kinh tế, xã hội, dân trí và nhu cầu giáo dục của địa bàn dân cư; chính sách đối với nhà trường; sự đóng góp cho giáo dục của cộng đồng;

ii) Đầu vào (viết tắt là 5M) gồm:

- Điều kiện về con người (Man) là chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, GV; chất lượng HS vào trường; sự tham gia của các lực lượng xã hội vào công tác giáo dục trong trường.

- Điều kiện về cơ sở vật chất (Material) là cơ sở vật chất, phòng học, trang thiết bị, sân chơi bãi tập, đồ dùng dạy học, tài liệu, sách giáo khoa, phương tiện cho các dịch vụ học tập;

- Điều kiện về tài chính (Money) là các nguồn thu và sử dụng hợp lý vào hoạt động dạy học, giáo dục, dịch vụ.

- Điều kiện về phương pháp, kỹ thuật (Method) là trình độ nắm vững các phương pháp, phương tiện kỹ thuật dạy học và khả năng vận dụng vào cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục.

- Điều kiện về quản lý (Management) gồm cơ cấu tổ chức, sự phân công lao động, cơ chế phối hợp hoạt động khoa học, thực hiện kế hoạch có hiệu quả

iii) Quản lý quá trình (viết tắt là PDCA):

Theo W.Deming: người hiệu trưởng có tầm nhìn là người có tâm huyết làm giáo dục, nhìn thấy tương lai phát triển của nhà trường mình trong hoàn cảnh hiện tại, có tài phát triển, khai thác các điều kiện (đầu vào) của trường để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng nhà trường, cải tiến từng bước, cải tiến liên tục để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch (Plan):

+ Từ sự phân tích để nhận rõ những cơ hội và thách thức trong hoàn cảnh, điều kiện của trường để xây dựng kế hoạch dài hạn và kế hoạch năm học, kế hoạch từng mặt hoạt động có ưu tiên thứ bậc kế hoạch cần chỉ rõ: làm việc gì, ai làm, làm thế nào, các nguồn lực để thực hiện, làm khi nào và các yêu cầu cần đạt được.

+ Kế hoạch cần được tập thể biết, thảo luận, hiến kế và đi đến thống nhất các việc phải làm, cách làm, các chỉ tiêu cần đạt. Đó cũng là cách quản lý mở rộng dân chủ, tạo sự đồng thuận, quyết tâm thực hiện kế hoạch của mọi thành viên trong trường.

- Thực hiện kế hoạch (Do):

+ Căn cứ vào kế hoạch chung, lãnh đạo phân công nhiệm vụ cho các tổ chức, các cá nhân.

+ Các tổ, cá nhân xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được phân công phù hợp nhất đối với mình.

+ Kế hoạch hành động của các tổ, cá nhân được tập hợp lại, hình thành kế hoạch giám sát của trường đối với các tổ, cá nhân.

- Giám sát thực hiện kế hoạch (Check):

+ Mỗi cá nhân tự quản lý việc thực hiện kế hoạch của mình và tự giám sát công việc của mình đến kết quả cuối cùng.

+ Nhà trường hoặc tổ có các đợt giám sát định kỳ hoặc bất thường, phát hiện kịp thời các vấn đề mới phát sinh để có biện pháp hỗ trợ, hoặc các quyết định bổ sung, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân hoàn thành kế hoạch, khắc phục kịp thời những sai sót ngay trong quá trình thực hiện.

Ngày nay, một số trường tiên tiến đã sử dụng mạng nội bộ để giám sát hoạt động của các tổ, cá nhân theo định kỳ (cuối tuần, cuối tháng). Nhờ đó lãnh đạo nắm chắc kịp thời được tình hình thực hiện kế hoạch trong trường để có những điều chỉnh, động viên, khích lệ, nhắc nhở kịp thời với các tổ và cá nhân.

- Tác động cải tiến liên tục (Act):

Sau một quá trình hoạt động cần tổng kết rút kinh nghiệm, xác nhận những mặt ưu điểm cần được tiếp tục phát huy, những nhược điểm cần có biện pháp khắc phục. Mặt khác, sau một thời điểm, hoàn cảnh, điều kiện đầu vào của trường, của cá nhân đã có những thay đổi so với thời gian đầu. Vì vậy, trường cần phân tích để tiếp tục đề xuất các tác động cải tiến cho chu kỳ quản lý tiếp theo. Đây là quá trình cải tiến từng bước, cải tiến liên tục hướng tới đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

iv) Kết quả đầu ra

Tập trung vào những đặc điểm cụ thể về chất của đối tượng, chính là sự thay đổi về kiến thức, kỹ năng và thái độ (so với mục tiêu giáo dục) của HS từ khi bắt đầu cho đến cuối giai đoạn hưởng lợi giáo dục.

II. Quản lý chất lượng giáo dục trường trung học

1. Chất lượng giáo dục

Giáo dục không cho phép có bất kỳ một “phế phẩm” nào, vì vậy quản lý chất lượng giáo dục không chỉ quan tâm đến chất lượng sản phẩm giáo dục (kết quả “đầu ra” là nhân cách người học) mà còn quan tâm đến chất lượng của cả “đầu vào” (các điều

kiện đảm bảo chất lượng) và quá trình giáo dục (quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục).

Chất lượng và hiệu quả giáo dục được đánh giá trên các cấp độ khác nhau (cấp độ cá nhân, cấp độ nhà trường, cấp độ ngành giáo dục). Ở cấp độ cá nhân, theo Điều 27, Luật Giáo dục (2005): *“Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*. Theo Điều 44, Luật Giáo dục (2005): *“Giáo dục thường xuyên giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội”*.

Quan điểm tiếp cận: “Chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu” là xu hướng phổ biến của các nước trên thế giới. Theo đó, một nhà trường được đánh giá là đạt tiêu chuẩn chất lượng khi hoàn thành được mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục.

Tuy nhiên, mỗi nhà trường ở các cấp học, ngành học, các loại hình và các vùng miền có sứ mạng khác nhau, dẫn đến mục tiêu của các nhà trường cũng khác nhau. Mỗi nhà trường phải xác định được sứ mạng và mục tiêu cho chính mình; sứ mạng và mục tiêu đó phải phù hợp với yêu cầu của xã hội và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Để thực hiện được sứ mạng, mục tiêu của mình, vai trò của công tác đảm bảo chất lượng là rất quan trọng. Đó là hoạt động của chính bản thân nhà trường, hướng tới việc bảo đảm rằng các điều kiện, các cơ chế, quy trình và quá trình được sắp xếp hợp lý nhất để đạt được chất lượng.

Chất lượng giáo dục của nhà trường là một khái niệm động, nhiều chiều, ít nhất gồm: *Mục tiêu; quá trình hoạt động nhằm đạt mục tiêu và thành quả đạt được so với mục tiêu*. Theo cách hiểu hiện nay, chất lượng giáo dục là sự đáp ứng của nhà trường đối với các yêu cầu về Mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục và các quy định về tiêu chuẩn đánh giá nhà trường của Bộ GDĐT. Chất lượng giáo dục của nhà

trường của nhà trường thể hiện qua các hoạt động dạy học – giáo dục và chất lượng các dịch vụ Giáo dục.

Theo chương trình hành động Dakar -2000 của UNESCO, có 10 nhóm yếu tố đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường. Bao gồm:

(1) Người học khoẻ mạnh, được nuôi dạy tốt, được khuyến khích để có động cơ học tập chủ động, kết quả học tập tốt

(2) GV thạo nghề, được động viên đúng mức

(3) Phương pháp và Kỹ thuật dạy học tích cực

(4) Chương trình giáo dục thích hợp với người dạy và người học

(5) Thiết bị, công nghệ, học liệu giáo dục thích hợp, dễ tiếp cận

(6) Môi trường học tập vệ sinh, an toàn, lành mạnh.

(7) Hệ thống đánh giá thích hợp với môi trường, quá trình và kết quả giáo dục.

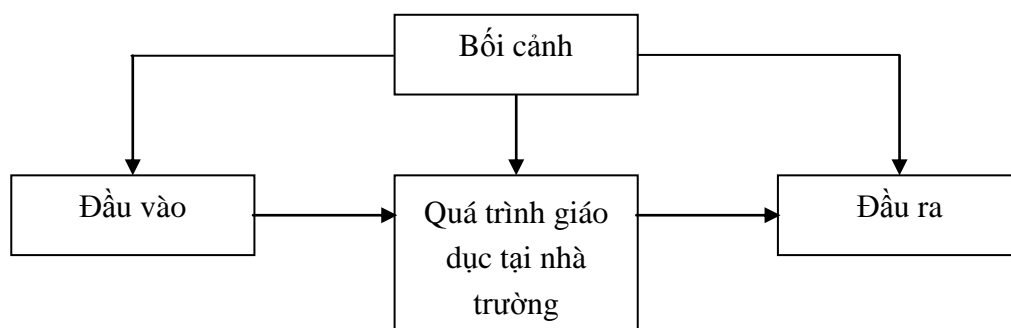
(8) Hệ thống quản lý giáo dục có tính tham gia và dân chủ.

(9) Tôn trọng và thu hút được cộng đồng và nền văn hoá địa phương trong hoạt động giáo dục.

(10) Các thiết chế đầy đủ; chương trình giáo dục có nguồn lực thích hợp, thoải đáng và bình đẳng

2. *Đổi mới quản lý chất lượng giáo dục*

Mô hình sau đây xem xét sản phẩm giáo dục trong mối quan hệ tổng hoà giữa các yếu tố đầu vào, quá trình và đầu ra.



Trong mô hình trên, bối cảnh là môi trường kinh tế - xã hội, môi trường khoa học - công nghệ và những xu thế của thời đại, điều kiện, hoàn cảnh, nền văn hóa địa phương cũng như truyền thống nhà trường nơi diễn ra hoạt động dạy học... Các yếu tố

này có thể tạo thuận lợi, hoặc gây khó khăn cho hoạt động dạy học và để quản lý hiệu quả hoạt động dạy học chúng ta cũng cần lưu ý tới các yếu tố này. Cần xem xét bối cảnh văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương; cần có biện pháp nắm bắt khả năng tham gia giáo dục của cha mẹ học sinh, cộng đồng, với thái độ cụ thể như thế nào...

“Đầu vào” là các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Đó là các yếu tố nguồn lực tác động và phục vụ cho hoạt động dạy và học (cơ chế chính sách; cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh; chương trình, sách giáo khoa, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...). Những yếu tố đó ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

Quá trình giáo dục tại nhà trường bao gồm: Hoạt động quản lý; hoạt động giảng dạy của giáo viên, hoạt động học tập của học sinh.

“Đầu ra” chính là kết quả giáo dục của nhà trường bao gồm: Kết quả các môn học, năng lực và phẩm chất của học sinh, tỷ lệ lên lớp và hết cấp, tỷ lệ học sinh theo học bậc cao hơn, tỷ lệ học sinh tham gia vào lao động sản xuất,... Những yếu tố đó phải đáp ứng yêu cầu của xã hội, đáp ứng mục tiêu giáo dục.

a) Đổi mới quản lý chất lượng giáo dục trước hết là quản lý đồng bộ các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục (đầu vào), quá trình giáo dục và kết quả giáo dục (đầu ra).

Quan trọng nhất của đổi mới quản lý chất lượng “đầu vào” là cần thiết lập một số chuẩn mực và triển khai thực hiện để đạt được các chuẩn mực đó, sau đó lại thiết lập những chuẩn mực cao hơn và phấn đấu để tiếp tục đạt được; là đổi mới đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên. Việc đánh giá theo “chuẩn” thực chất là đánh giá năng lực quản lý và năng lực nghề nghiệp của cán bộ quản lý và giáo viên ở thời điểm đánh giá; thực hiện xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên; cung cấp thông tin cho việc xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách đối với cán bộ quản lý và giáo viên.

Đổi mới quản lý quá trình giáo dục theo hướng tiếp tục giao quyền tự chủ cho nhà trường, giáo viên để phát huy tính tự chủ, sáng tạo phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Để đạt được mục tiêu theo định hướng này, nhà trường cần chủ động xây dựng kế hoạch của nhà trường trên cơ sở kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo

dục và Đào tạo; chủ động bố trí, điều tiết nội dung, thời lượng, nhân sự, kinh phí,...; thường xuyên theo dõi để phát hiện các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường để động viên, góp ý, điều chỉnh, giúp đỡ người làm trực tiếp; nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên thường xuyên tự đánh giá, tự điều chỉnh.

Quản lý tốt chất lượng “đầu vào”, quản lý tốt quá trình giáo dục là điều kiện cần và đủ để bảo đảm chất lượng “đầu ra” của nhà trường.

Đổi mới quản lý chất lượng “đầu ra” để xác minh, khẳng định kết quả, hiệu quả của quản lý chất lượng “đầu vào” và quản lý quá trình; xác nhận trình độ, năng lực của học sinh. Việc đổi mới cách kiểm tra, thi, đánh giá theo yêu cầu định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Phải chuyển từ kiểm tra, đánh giá gắn chủ yếu coi trọng kiến thức, xem học sinh học được gì sang đổi mới kiểm tra, đánh giá xem học sinh vận dụng những điều đã học vào giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. Điều đó yêu cầu phải thiết kế những câu hỏi, những bài tập, bài kiểm tra, đề thi,... khác so với trước. Phải coi trọng kiểm tra, nhận xét, đánh giá trong quá trình dạy học với kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục. Nếu coi trọng việc cho điểm, nghĩa là chỉ chú trọng đo lường kết quả học tập chứ chưa có đánh giá, chưa quan tâm tác động, gợi ý, động viên, hướng dẫn cho người dạy, người học để cải thiện dần chất lượng giáo dục, từng bước, từng khâu, từng nhiệm vụ một. Đây là điểm quan trọng nhất của việc kết hợp của quản lý chất lượng “đầu ra” với quản lý “quá trình”.

Đánh giá kết quả giáo dục phải giúp học sinh có khả năng tự nhận xét đánh giá, để biết tự điều chỉnh cách thức rèn luyện, học tập; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ. Thực hiện được việc đánh giá quá trình và kết quả giáo dục như trên là đảm bảo nguyên tắc: Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục; không tạo áp lực thành tích cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

b) Đổi mới quản lý chất lượng còn là việc đảm bảo sự công khai chất lượng giáo dục của nhà trường. Việc phân tích đánh giá kết quả giáo dục phải phản ánh đúng chất lượng, đảm bảo dân chủ, công khai, được xã hội thừa nhận. Nhà trường có trách nhiệm báo cáo, giải trình về chất lượng giáo dục của mình với cơ quan quản lý giáo dục và xã hội để được giám sát và tự điều chỉnh.

Trước hết cần hướng dẫn, huy động được cha mẹ học sinh và các đoàn thể, tổ chức xã hội tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, qua đó họ cũng tham gia đánh giá, góp ý các hoạt động giáo dục và nhận xét, góp ý, đánh giá học sinh.

Đánh giá kết quả giáo dục phải giúp cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của con em mình; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh. Đánh giá kết quả giáo dục phải giúp cán bộ quản lý giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

Để một nhà trường luôn đảm bảo duy trì và nâng cao các hoạt động giáo dục có chất lượng, đáp ứng được mục tiêu giáo dục, chúng ta đã chuyển từ mô hình “kiểm soát chất lượng” (công cụ chủ yếu là thanh tra) sang mô hình “Đảm bảo chất lượng” (Quality Assurance). Theo quy định của Luật Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và ban hành các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục (bao gồm các tiêu chí, chỉ số liên quan đến đầu vào, quá trình giáo dục, đầu ra và đặt trong một bối cảnh cụ thể). Các nhà trường thực hiện tự đánh giá và được hỗ trợ bởi hoạt động đánh giá ngoài để xác định chính xác hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường phù hợp với bối cảnh, sứ mạng và mục tiêu chất lượng của nhà trường.

1.3. Trách nhiệm của nhà nước, nhà trường và xã hội đối với các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

Bảo đảm chất lượng giáo dục là nhiệm vụ của Nhà nước, các nhà trường và của toàn xã hội. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc đảm bảo và tăng cường đầu tư cho các điều kiện đảm bảo chất lượng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định các hoạt động trong quá trình giáo dục của nhà trường và quy định chuẩn “đầu ra”. Nhà trường được tự chủ trong việc khai thác, bảo quản, sử dụng hiệu quả các điều kiện đảm bảo chất lượng; chủ động trong quá trình hoạt động giáo dục và có trách nhiệm đối với “sản phẩm” và công khai chất lượng giáo dục của mình. Nhà nước, nhà trường có trách nhiệm định hướng các lực lượng xã hội đầu tư vào các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

Trong quá trình nhà trường thực hiện tự chủ về việc cải tiến chất lượng giáo dục, các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý giáo dục và xã hội sẽ giám sát, hỗ trợ các

điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và các điều kiện khác để nhà trường duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Như vậy, trong tất cả các khâu trong mọi hoạt động giáo dục của nhà trường đều có sự tham gia của các lực lượng xã hội với tính chất là giám sát và hỗ trợ.

C. TRIỂN KHAI GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG STEM TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, giáo dục phổ thông trong phạm vi cả nước đang thực hiện đổi mới đồng bộ các yếu tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, thiết bị và đánh giá chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Trong quá trình đổi mới đó, phương thức giáo dục tích hợp Khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ - Toán, gọi tắt là STEM, đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai từ năm học 2014-2015 thông qua việc chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện dạy học theo chủ đề tích hợp, liên môn và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học. Nhằm cụ thể hóa hơn nữa phương thức giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông, trong năm học 2016-2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Hội đồng Anh triển khai thí điểm giáo dục STEM ở một số trường trung học và đã thu được những kết quả tích cực.

I. Những kết quả đã đạt được

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

Phương thức giáo dục STEM đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học từ năm học 2014-2015 và liên tục được nhấn mạnh trong những năm tiếp theo. Trong năm học 2016-2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục chỉ đạo các địa phương trên toàn quốc "*Tiếp tục quán triệt tinh thần giáo dục tích hợp STEM trong việc thực hiện chương trình phổ thông ở những môn có liên quan. Triển khai thí điểm giáo dục STEM tại một số trường lựa chọn*" (Công văn số 4325/BGDĐT-GDTrH ngày 01/9/2016 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2016-2017).

Bộ Giáo dục và Đào tạo luôn khuyến khích việc tăng cường hợp tác với các đối tác trong việc đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và triển khai thí điểm phương thức giáo dục STEM. Đã có nhiều đối tác trong và ngoài nước tham gia đồng hành trong quá trình triển khai như Microsoft Việt Nam, Đại học bang Arizona, Hoa kì, Hội đồng Anh tại Việt Nam... Đặc biệt, trong năm học 2016-2017, Hội đồng Anh đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thí điểm phương thức giáo dục STEM tại 14 trường trung học tại 5 tỉnh/thành phố: Hà Nội (8 trường); Nam Định (1 trường); Quảng Ninh (1 trường); Hải Phòng (1 trường) và Hải Dương (3 trường), đem lại những kết quả bước đầu tích cực.

2. Những kết quả bước đầu

2.1. Đổi mới phương thức giáo dục theo định hướng STEM

Nội dung giáo dục STEM được thiết kế theo nguyên tắc tích hợp và được tổ chức cho học sinh thực hiện theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Kết quả đã đạt được như sau:

- Từ năm học 2011 - 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo triển khai áp dụng phương pháp "Bàn tay nặn bột" ở tiểu học và trung học cơ sở. Bản chất của phương pháp dạy học này là tổ chức hoạt động học dựa trên tìm tòi, nghiên cứu; học sinh chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng dựa trên các hoạt động trải nghiệm và tư duy khoa học.

- Từ năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông và tổ chức *Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học (VSEF)* và cử học sinh tham dự *Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế (Intel ISEF)* và các cuộc thi, hội trợ, triển lãm quốc tế về sáng tạo khoa học, kỹ thuật. Các cuộc thi này coi trọng phát huy ý tưởng mới và rèn luyện năng lực sáng tạo, phong cách làm việc khoa học của học sinh. Giáo viên phổ thông cùng các giảng viên đại học, các nhà khoa học phối hợp hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng trong hoạt động nghiên cứu khoa học, giải quyết các vấn đề của thực tiễn. Bắt đầu chính thức tham gia Intel ISEF từ năm 2012 đến nay, Việt Nam đều có dự án đoạt giải. Thành tích của học sinh Việt Nam trong Hội thi khoa học kỹ thuật quốc tế Intel ISEF kể từ khi Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung

học của Việt Nam chính thức đăng kí là Hội thi thành viên của Intel ISEF năm 2013 luôn luôn ổn định⁵. Năm nào Việt Nam cũng là một trong hơn 50% quốc gia có giải tại Hội thi này. Đây là kết quả phản ánh đúng sự phát triển của giáo dục STEM nói chung, hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường trung học, gắn liền với việc đổi mới nội dung và phương thức giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo thực hiện để chuẩn bị cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới. Để chọn được 8 dự án tham dự Intel ISEF 2017 từ 441 dự án dự thi Cuộc thi khoa học kĩ thuật cấp quốc gia năm 2017, trong năm học 2016-2017 đã có hàng chục ngàn dự án được thực hiện trong các nhà trường, trong số đó có trên 5000 dự án tham gia Cuộc thi khoa học kĩ thuật cấp tỉnh/thành phố. Con số đó đã nói lên sự phát triển của Hoạt động trải nghiệm sáng tạo khoa học kĩ thuật cũng như giáo dục STEM trong giáo dục trung học đến thời điểm hiện tại. Đây là bước chuẩn bị quan trọng cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng.

- Triển khai Mô hình trường học gắn với sản xuất, kinh doanh tại địa phương; đã thí điểm dạy học gắn với sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè, mía đường tại Tuyên Quang đã đem lại những kết quả tích cực, có tác dụng gắn kết nhà trường, gia đình và doanh nghiệp trong phương thức giáo dục STEM.

2.2. Kết quả triển khai thí điểm

Trước và trong quá trình triển khai thí điểm giáo dục STEM tại các trường trung học trong năm học 2016-2017, từ những năm qua Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức một số hội thảo, tập huấn cán bộ quản lí, giáo viên cốt cán về giáo dục STEM như: Hội thảo quốc tế: "*Giáo dục STEM trong Chương trình giáo dục phổ thông của một số nước và vận dụng và điều kiện Việt Nam*", ngày 22/6/2014; Tập huấn giáo viên cốt cán các trường thí điểm giáo dục STEM năm học 2016-2017, tháng 8/2016 (phối hợp với Hội đồng Anh tại Việt Nam); Tập huấn tại Vương quốc Anh về mô hình giáo dục STEM trong trường phổ thông cho cán bộ quản lí, giáo viên cốt cán tại các trường tham gia thí điểm, tháng 10/2016 (phối hợp với Hội đồng Anh tại Việt Nam); Hội thảo quốc tế: "*Kinh nghiệm quốc tế về giáo dục STEM và những vấn đề đặt ra với Việt Nam*", ngày

⁵ Năm 2013 có 05 dự án tham dự và đoạt 02 giải Tư; năm 2014 có 06 dự án tham dự và đoạt 02 giải Tư và 01 giải Đặc biệt; năm 2015 có 06 dự án tham dự và đoạt 01 giải Tư và 01 giải Đặc biệt; năm 2016 có 06 dự án tham dự và đoạt 04 giải Ba; năm 2017 có 08 dự án tham dự và đoạt 01 giải Ba, 04 giải Tư, 04 giải Đặc biệt.

07/3/2017 (với sự phối hợp của Arizona State University, Hoa Kỳ). Kết quả bước đầu đã đạt được như sau:

- Bước đầu cán bộ quản lí, giáo viên đã có nhận thức đúng về tầm quan trọng của giáo dục STEM đối với việc hình thành các năng lực và phẩm chất của học sinh theo mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Cán bộ quản lí, giáo viên cốt cán các trường triển khai thí điểm đã bước đầu nắm bắt và xây dựng được một số chủ đề giáo dục STEM để tổ chức cho học sinh thực hiện. Trên 50 chủ đề học tập đã được triển khai ở các nhà trường tham gia thí điểm. Các chủ đề dạy học này hầu hết được xuất phát từ các vấn đề gặp phải ngay trong cộng đồng nơi các em sinh sống.

- Trong quá trình thực hiện các bài học theo chủ đề giáo dục STEM, học sinh đã chủ động, tích cực đề xuất và thực hiện các sản phẩm học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Rất nhiều các sản phẩm của các em đã được dự thi và đạt giải cao ở các cuộc thi: Khoa học kĩ thuật, Vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết tình huống thực tiễn; Sáng kiến giáo dục STEM - SchoolLAB dành cho học sinh trung học.

- Các trường thí điểm đã thực hiện nội dung giáo dục STEM một cách chủ động, sáng tạo, trong đó nhiều trường đã tổ chức câu lạc bộ STEM để học sinh đăng kí tự nguyện tham gia. Đến tháng 3/2017, đã có nhiều trường trong số các trường thí điểm đã tổ chức ngày hội STEM, trong đó tổ chức cho học sinh trình bày, chia sẻ các sản phẩm học tập; tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về giáo dục STEM: Trường Olympia Hà Nội; Trường THCS Trung Vương, Hà Nội; Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định...

- Việc huy động cộng đồng tham gia vào việc tổ chức thực hiện các chủ đề STEM đã được các nhà trường thực hiện có hiệu quả, bước đầu cho thấy các dự án STEM xuất phát từ các vấn đề có liên quan đến cuộc sống của cộng đồng dân cư nơi các em sinh sống có sức thu hút mạnh mẽ đối với cộng đồng, doanh nghiệp. Ví dụ toàn bộ giáo viên và phụ huynh học sinh của trường THPT Nam Sách II đã sử dụng sản phẩm nước rửa bát của chính học sinh trường mình sản xuất; học sinh của Trường THPT Chúc Động đã tư vấn cho bố mẹ biết chuyển đổi sản xuất nông nghiệp và sản xuất rau sạch...

II. Những khó khăn, hạn chế

1. Do mới bước đầu tiếp cận nên nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh và cộng đồng về giáo dục STEM còn hạn chế. Khái niệm về giáo dục STEM còn được hiểu khác nhau. Nhiều người còn coi giáo dục STEM như là một môn học mới, đòi hỏi nhiều điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, khả năng của học sinh nên chưa tích cực trong việc triển khai áp dụng.

2. Mặc dù việc triển khai dạy học theo chủ đề tích hợp, liên môn đã được thực hiện trong một số năm nhưng năng lực xây dựng và thực hiện các chủ đề dạy học tích hợp, liên môn nói chung và các chủ đề giáo dục STEM nói riêng của giáo viên còn hạn chế. Các chủ đề giáo dục STEM do các trường thí điểm đã xây dựng và thực hiện chưa tích hợp chặt chẽ với nội dung dạy học trong chương trình để giảm bớt các giờ học lí thuyết hiện hành. Có nghĩa là, học sinh tham gia các dự án STEM như là các hoạt động tăng thêm, giống như thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học.

3. Mô hình tổ chức của các trường chủ yếu mới ở mức độ Câu lạc bộ theo tinh thần tự nguyện đăng kí tham gia của học sinh; chưa tổ chức thành các lớp STEM riêng. Mỗi trường thí điểm có khoảng từ 50-100 học sinh tham gia.

4. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn hạn chế dẫn đến sự hạn chế trong việc thực hiện ý tưởng xây dựng các chủ đề giáo dục STEM. Vì thế, còn có các chủ đề giáo dục STEM do các trường thí điểm xây dựng và thực hiện trong năm học vừa qua mới ở mức độ đơn giản hoặc tái tạo lại những sản phẩm đã có từ các nguyên vật liệu sẵn có.

III. Phương hướng triển khai trong thời gian tới

1. Tiếp tục tuyên truyền rộng rãi mục đích, ý nghĩa của phương thức giáo dục STEM và các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai giáo dục STEM đến cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội. Đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông.

2. Tiếp tục chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo, các trường phổ thông chủ động xây dựng kế hoạch triển khai phương thức giáo dục STEM; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ các hoạt động giáo dục theo phương thức giáo dục STEM.

3. Các sở giáo dục và đào tạo thực hiện tốt việc tuyên truyền rộng rãi mục đích, ý nghĩa của giáo dục STEM trong việc đào tạo nguồn lao động chất lượng cao cho xã hội đến cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội; thực hiện chủ trương đổi mới cơ chế quản lý chuyên môn theo hướng giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng và thực hiện giáo dục theo Công văn số 791/HD-BGDĐT ngày 25/6/2013; Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014; chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ quá trình triển khai thí điểm giáo dục theo tiếp cận STEM tại các cơ sở giáo dục.

4. Các trường phổ thông chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo phương thức STEM; lựa chọn nội dung kiến thức trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và xây dựng ít nhất 01 chủ đề/dự án học tập để tổ chức dạy học theo tiếp cận STEM thay cho phương thức dạy học thông thường.

5. Các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu tích cực hỗ trợ hoạt động triển khai giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông; cử các nhà khoa học, giảng viên tham gia tập huấn, tư vấn, hướng dẫn giáo viên triển khai phương thức giáo dục STEM; tạo điều kiện cho học sinh sử dụng các phòng thí nghiệm, thư viện và tiếp cận các nguồn tài liệu khoa học; có chính sách hỗ trợ về tài liệu khoa học và thiết bị thí nghiệm; có các chính sách khuyến khích các nhà khoa học, giảng viên tham gia hỗ trợ hoạt động giảng dạy STEM.

6. Đề xuất các chính sách khuyến khích các nhà khoa học, giảng viên, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp... tham gia hỗ trợ triển khai phương thức giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông như: tính thêm giờ hướng dẫn thực hành, trải nghiệm cho các giảng viên tham gia hướng dẫn học sinh, ưu tiên các đề tài khoa học cấp cơ sở có liên hệ trực tiếp với hoạt động dạy học theo phương thức STEM trong giáo dục phổ thông.

7. Kêu gọi các quỹ khuyến khích tài năng, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm tài trợ cho việc tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến giáo dục STEM dành cho học sinh phổ thông.